TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 07/2021/HNGĐ-GĐT
Ngày: 11/01/2020
V/v: "*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí

Ông Phan Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng - Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"*, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 16, Đường NTT, Phường N, thành phố BL, tỉnh LĐ.

2. *Bị đơn*: Ông Hồ Thanh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 30/1, khu phố 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh BD.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Công ty M.

Địa chỉ: Số 30/1, khu phố 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh BD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh H - Giám đốc Công ty.

3.2. Bà Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1942.

Địa chỉ: Số 30/1, Khu phố 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh BD.

3.3. Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 89, đường LH, Quận ĐĐ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Lĩnh.

Địa chỉ: Số 557, Đại lộ BD, phường HT, thành phố T, tỉnh BD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy A và ông Hồ Thanh H đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009 và ly hôn vào ngày 21/6/2016 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 356/2016/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2016. Theo nội dung quyết định thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy A và ông Hồ Thanh H thuận tình ly hôn; về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hồ Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 30/6/2011. Bà A tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được các tài sản gồm: 01 xe ô tô hiệu Fortuner, biển kiểm soát số 61P - 2485. 01 phần đất có diện tích khoảng 2.000m^2 do cha mẹ chồng cho tọa lạc tại 30/1 Khu 1A, phường AP, thị xã TA (nay là thành phố TA), tỉnh BD. Trên đất có 24 căn phòng trọ, 01 nhà xưởng, 01 cửa hàng xe máy, 01 căn nhà 80m^2.

Bà A khởi kiện chia tài sản chung giữa bà A và ông H số tài sản nêu trên để bà A được hưởng ½ giá trị tài sản.

Ngày 19/5/2018, bà A bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia tiền thu nhập cho thuê nhà trọ từ 20/02/2016 đến tháng 8/2018 tạm tính là 300.000.000 đồng và yêu cầu chia 1/3 thu nhập từ việc kinh doanh cửa hàng xe máy trong 30 tháng tương đương số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời, bà A rút yêu cầu khởi kiện chia căn nhà ở phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh BD. Sau đó bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện chia đất bằng 10% công sức đóng góp, rút yêu cầu chia thu nhập từ việc kinh doanh sửa xe, giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bổ sung (chia thu nhập cho thuê nhà trọ tính từ tháng 6/2016 đến tháng 5/2019), các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Bị đơn ông Hồ Thanh H trình bày: thống nhất với nguyên đơn về tình trạng hôn nhân và con chung.

Về tài sản: Phần đất có diện tích khoảng 2.000m^2 bà A trình bày có nguồn gốc của cha mẹ ruột của ông là cụ Hồ Văn R và cụ Nguyễn Ngọc K tạo lập, tọa lạc tại 30/1 Khu 1A, phường AP, thành phố TA, tỉnh BD. Ngày 13/10/2010, cụ K và cụ R lập thủ tục tặng cho riêng ông phần đất trên với diện tích 2.032,2m^2, hợp đồng có công chứng. Ngày 12/11/2010, ông được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) TA cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/10/2013, ông chuyển nhượng cho ông Trần Văn TU diện tích 198,5m^2, diện tích còn lại 1.301,3m^2. Lúc cha mẹ

tặng cho tài sản có hiện trạng gồm nhà ở phía trước hiện nay dùng kinh doanh sửa xe máy, sau nhà ở là nhà trọ có 32 phòng. Sau khi được tặng cho ông đã đập bỏ 08 phòng trọ để xây nhà kho. Còn lại 24 phòng thì cụ K tiến hành sửa chữa, nâng mái, làm gác đổ, đóng la phong, dán gạch tường và hiện nay đang cho thuê với giá thuê 1.000.000 đồng/tháng/phòng, trung bình mỗi tháng cho thuê khoảng 20 phòng.

Nhà kho (nhà xưởng) là do cụ K cho ông tiền để xây dựng. Cửa hàng xe máy hiện nay do Công ty M đứng tên kinh doanh do chính ông là người đại diện theo pháp luật.

Nợ chung gồm: Hợp đồng tín dụng số BDG/14/0037A/HĐTD ngày 19/5/2014, cá nhân ông đứng tên vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, có lập Hợp đồng thế chấp số BDG/14/0037/HDTC ngày 19/5/2014 đối với phần đất nêu trên, hợp đồng này đã trả nợ xong; Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0079A/HĐTD ngày 20/8/2015 do ông và bà A đứng tên vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, hợp đồng này đã trả nợ xong; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5816568 ngày 07/01/2016, cá nhân ông đứng tên vay 180.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, hợp đồng này vẫn đang thực hiện; Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0057A/HĐTD ngày 28/7/2015, ông và bà A đứng tên vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, hợp đồng này đã trả nợ xong; Hợp đồng tín dụng số BDG/15/0057A/HĐTD ngày 28/7/2015, ông và bà A đứng tên vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hợp đồng này đã trả nợ xong.

Nợ chung của cá nhân gồm: Nợ ông Nguyễn Văn Tiên 500.000.000 đồng vào năm 2015; nợ ông Nguyễn Nhật P 100.000.000 đồng vào năm 2015. Số tiền mượn trên dùng vào việc trả nợ đáo hạn Ngân hàng, việc vay mượn do ông đứng ra mượn, không làm giấy tờ và đã trả xong.

Toàn bộ tài sản tranh chấp hiện nay không có cá nhân nào khác có công đóng góp xây dựng. Đối với 01 xe ôtô hiệu Fortumer biển số 61A - 2485 hiện nay bà A có tranh chấp là tài sản chung, ông đồng ý chia. Các tài sản khác là tài sản riêng của ông nên không đồng ý chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Ngọc K trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông H về nguồn gốc, số tài sản tranh chấp. Toàn bộ nhà trọ là tài sản của cụ K nhưng đã giao cho ông H quản lý hộ. Vào thời điểm vợ chồng cụ K tặng cho đất ông H thì đã có nhà ở hiện nay dùng kinh doanh phụ tùng và sửa chữa xe máy. Nhà trọ này do cụ K bỏ tiền ra sửa chữa lại năm 2010, có 30 căn nhưng ông H đã đập bỏ 6 căn để xây dựng nhà kho. Số tài sản trên là của cụ, vẫn chưa cho ông H và cụ không có yêu cầu độc lập.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 30/2019/HNGĐ-PT ngày 30/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh BD quyết định sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh BD như sau (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy A đối với bị đơn ông Hồ Thanh H về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Buộc ông Hồ Thanh H có trách nhiệm chia cho bà Nguyễn Thị Thùy A số tiền 2.121.904.000 đồng.

Ông H được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1301,3m^2, tọa lạc tại Khu phố 1A, phường AP, thị xã TA, tỉnh BD thuộc thửa đất Số 16, tờ bản đồ Số 172 (D3), đã được Ủy ban nhân dân huyện TA (nay là Thị xã TA) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Thanh H (có kích thước tứ cận cụ thể) và được quyền sở hữu các công trình trên đất (có danh mục cụ thể).

Ông Hồ Thanh H được quyền sở hữu xe ô tô hiệu TOYOTA FORTUNER biển số 61P-2485.

Ngày 01/12/2019, ông Hồ Thanh H có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 10/2020/KN-HNGĐ ngày 10/08/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 30/2019/HNGĐ-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh BD, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Xe ô tô hiệu TOYOTA biển số 61P-2485*: bà A và ông H thống nhất là tài sản chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm công nhận tài sản trên là tài sản chung của bà A và ông H để chia là có căn cứ.

[2] *Đối với tài sản có trên đất gồm nhà ở, nhà trọ, cửa hàng xe máy và nhà xưởng*: Ông H và cụ K (mẹ ruột của ông H) khẳng định những tài sản này có trước khi bà A kết hôn với ông H, chỉ có nhà xưởng là năm 2010 sau khi kết hôn ông H phá dỡ bớt một số căn nhà trọ để làm. Bà A khởi kiện nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh những tài sản này là bà và ông H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân hay được tặng cho chung. Như vậy, những tài sản này chủ yếu do ông H được cha mẹ ruột cho riêng, có trước khi ông H và bà A kết hôn. Tuy nhiên, ông H phá dỡ một số căn nhà trọ để làm nhà xưởng trong thời kỳ hôn nhân và thực tế ông H, bà A cùng khai thác công dụng của tài sản, phục vụ vào chi phí sinh hoạt gia đình, tái đầu tư phát triển kinh tế. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm chia cho bà A được hưởng ½ giá trị những tài sản trên đất là hợp lý, hợp tình và có căn cứ.

[3] Đối với phần thu nhập từ nhà trọ, thấy rằng: Nhà trọ do cụ K đầu tư xây dựng, sửa chữa và cho thuê. Theo cụ K thì cụ cho riêng ông H năm 2009 để ông quản lý trông coi, thu tiền. Căn cứ biên bản đối chất ngày 05/8/2018 ông H xác định:*"24 căn nhà trọ xây dựng năm 2010"*. Mặt khác, ông và bà A kết hôn hợp pháp và chung sống với nhau 17/12/2009, ông xác định nguồn tiền của cha mẹ cho xây nhà trọ nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cụ K, cụ R đã cho tiền ông xây dựng nhà trọ, cho nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Ngoài ra, trong thực tế ông H tự nguyện sử dụng khoản thu nhập từ nhà trọ vào chi tiêu gia đình và phát triển kinh tế. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm buộc ông H chia cho bà A một phần thu nhập từ nhà trọ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với phần đất có diện tích 1.301,3m^2 tọa lạc tại 30/1 Khu 1A, phường AP, thị xã (nay là thành phố) TA, tỉnh BD: Bà A thừa nhận đây là tài sản của cha mẹ ruột của ông H cho riêng ông H. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định đây là tài sản riêng ông H là có căn cứ. Bà A đã được chia giá trị tài sản trên đất, được chia thu nhập từ nhà trọ, trong khi hầu hết những tài sản trên đất và thu nhập từ nhà trọ không phải là tài sản chung của bà A, ông H. Như vậy, bà A đã được chia lợi tức từ việc khai thác công dụng của những tài sản không phải là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, sau khi ly hôn bà A chuyển đi sinh sống ở nơi khác, một mình ông H phải trả các khoản nợ vay Ngân hàng và vay cá nhân khác mà vợ chồng đã vay trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cho rằng bà A có công sức đóng góp duy trì, bảo quản tài sản, từ đó căn cứ vào Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình để trích chia cho bà A thêm 5% giá trị quyền sử dụng phần đất nêu trên không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử giám đốc chấp nhận kháng nghị số 10/2020/KN-HN ngày 10/8/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Chấp nhận kháng nghị số 10/2020/KN-HNGĐ ngày 10/8/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 30/2019/HNGĐ-PT ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BD giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy A; bị đơn ông Hồ Thanh H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cụ Nguyễn Ngọc K, Công ty M, Ngân hàng N.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại TP HCM (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh BD;
- TAND thành phố TA, tỉnh BD;
- Chi cục THADS thành phố TA, tỉnh BD;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GĐKT III, HSVA.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân